

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN N

TỈNH KON TUM

Bản án số: 12/2023/HS-ST

Ngày 26-4-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa; bà Lê Thị Hồng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26-4-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2023/TLST-HS ngày 21-3-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HS, ngày 11-4-2023, đối với bị cáo:

Dương L; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 28/8/2001 tại tỉnh Kon Tum. Nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương T và bà Đinh Thị K; bị cáo chưa có vợ, năm 2018 sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị H và có 01 con chung sinh năm 2018; hiện đang sống chung như vợ chồng với Y M; chị em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2022 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh Xiêng L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Thao T, sinh ngày 05/3/2007; Người đại diện là bà Y T, mẹ đẻ; Cùng địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; (Bà Y T xin xét xử vắng mặt cho Thao T);

Anh Thao L, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Anh A K, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bà Đinh Thị K, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu A, phường L, thành phố B, tỉnh Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 04/12/2022, Dương L nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài nên điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCTTER, màu đỏ, gắn biển kiểm soát 82E1 – 250.77 của mẹ để là bà Đinh Thị K, đến tìm gặp Thao T để rủ T đi trộm cắp. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, L gặp T và rủ T đi trộm cắp xe mô tô thì T đồng ý. T chở L bằng xe mô tô trên, đi về nhà L tại thôn Đ, xã Đ, huyện N. Tại đây, cả hai bàn bạc sẽ đi lên hướng các xã Đ, N, huyện Đ, huyện N để kiếm tìm xe trộm. Sau đó T chở L bằng xe mô tô biển kiểm soát 82E1 – 250.77 lên hướng xã Đ, L ngồi sau hướng dẫn T đi vào nhiều đoạn đường để tìm xe mô tô trộm cắp. Khoảng 12 giờ 40 phút cùng ngày, L nhìn thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCTTER, màu sơn bạc-trắng-xanh, biển kiểm soát 82E1-181.80 để trước hiên một nhà ven đường, thuộc thôn Đ, xã Đ, thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa, không thấy người trông coi. L nói T dừng xe rồi đưa cho T 50.000 đồng nói T đi mua nước đi. T cầm tiền rồi điều khiển xe đi đến quán tạp hóa gần đó mua nước ngọt, còn L đi đến vị trí xe mô tô, L dắt xe ra đường rồi mở khóa nổ máy chạy xe về hướng thị trấn P. T thấy L đã trộm cắp được xe nên điều khiển xe mô tô đi phía sau L. Cả hai đi về lô cao su thuộc thôn G, xã Đ ngồi nghỉ, sau đó điều khiển hai xe mô tô đi về nhà L tại thôn Đ, xã Đ. L gọi xe taxi và đưa cho T 200.000 đồng để trả tiền taxi chở T về nhà, sau đó L mang xe mô tô trộm cắp được giấu ở vườn phía sau nhà L.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, L đi mua đồ ở quán tạp hóa ven đường quốc lộ 40 (thuộc thôn C, xã Đ), thì gặp Thao L cũng đi mua đồ. Trong lúc nói chuyện, Thao L nói có em họ là A K đang tìm mua một chiếc xe mô tô cũ, giá khoảng từ 05 triệu đồng đến 10 triệu đồng để đi làm rẫy, nhờ L nếu biết ai bán thì giới thiệu. L nghĩ sẽ bán xe mô tô trộm cắp cho A K nên nói dối với Thao L là mình có người quen có chiếc xe EXCTTER cũ bị mất giấy tờ cần bán nên Thao L tin là thật. Thao L nói L mang xe đến nhà Thao L để Thao L gọi A K ra xem, nếu được sẽ mua. Sau khi L về nhà đem xe đến nhà Thao L. Thao L gọi điện thoại nói cho A K biết việc đã tìm được người bán xe và nói A K ra xem xe để mua. Do A K đang đi làm rẫy chưa về kịp nên đã nhờ Thao L xem xe và trả tiền mua

giúp, khi nào K nhận xe thì trả lại tiền Thao L. Sau đó L đồng ý bán xe mô tô trên giá 7.000.000 đồng cho Thao L.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 359/KL-HĐĐG ngày 12-12-2022 của Hội đồng định giá tài sản xác định: xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCTTER, màu sơn bạc-trắng-xanh, biển kiểm soát 82E1-181.80 giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 25.500.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu lăm trăm nghìn đồng*).

Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 20-3-2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố Dương L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, theo Cáo trạng nhận định: Đối với Thao T là người cùng thực hiện hành vi trộm cắp với Dương L vào ngày 04/12/2022. T sinh ngày 05/3/2007, tính đến thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp T chưa đủ 16 tuổi. Theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật hình sự thì T chưa phải chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Công an huyện N đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với T là phù hợp. Đối với bà Đinh Thị K (mẹ đẻ L) là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 82E1 – 250.77. Trước khi đi làm xa ở tỉnh Đ bà đã giao xe này cho L để sử dụng đi làm rẫy. Bà K không biết L đã dùng xe làm phương tiện phạm tội nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Đối với Thao L và A K khi giao dịch mua xe mô tô biển kiểm soát 82E1-181.80 với L, hoàn toàn không biết xe do phạm tội mà có. Sau khi thấy bị hại (Xiêng L) đăng tin báo mất xe trên mạng xã hội, nhận ra chính là xe đã mua của L, thì L nói với A K và chủ động đến cơ quan Điều tra để trình báo và giao nộp lại xe nên Thao L và A K không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ: Cho bị cáo được hưởng các tình tiết “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*”, “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị tuyên phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng đã được xử lý ở giai đoạn điều tra nên không đề nghị xử lý nữa. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa bị cáo Dương L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo khai vì Nguyễn Thị H bỏ đi, để lại con cho bị cáo, đời sống khó khăn, muốn có tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân nên đã chủ động rủ Thao T tham gia trộm cắp lấy xe mô tô biển kiểm soát 82E1-

181.80. Sau khi lấy được xe đem bán, có tiền L đem trả nợ và chi tiêu cá nhân hết, chưa chia tiền cho T. Sau khi tội phạm bị phát hiện L đã tác động gia đình trả lại cho A K số tiền 7.000.000 đồng từ việc bán xe.

- Bị hại là anh Xiêng L khai tại hồ sơ: Anh đã được nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì đối với bị cáo nữa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Thao T (người đại diện là bà Y T) trình bày tại hồ sơ: Biết đi trộm cắp cùng L là sai, hứa sau này không sai phạm nữa.

+ Thao L trình bày tại hồ sơ: Có quen biết với Dương L ngoài xã hội, không biết xe mô tô mua giúp cho A K là do L trộm cắp mà có. Qua thông tin đăng hình trên mạng về xe bị mất, biết đó là xe mua giúp cho A K nên đã nói cho A K biết và chủ động đến cơ quan Công an trình báo, giao lại xe.

+ A K trình bày tại hồ sơ: Vì muốn có xe đi làm rẫy nên đã nhờ Thao L tìm mua giúp, L có điện thoại nói xe bị mất giấy tờ có mua không, nghĩ xe mua đi làm rẫy không ai hỏi giấy tờ nên đồng ý mua, không biết đó là xe trộm cắp để bán. A K đã nhận đủ tiền mua xe không yêu cầu gì nữa.

+ Bà Đinh Thị K trình bày tại hồ sơ: Bà là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 82E1 – 250.77. Trước khi bà đi làm ở tỉnh Đ và đã giao xe này cho con trai là Dương L để có phương tiện đi làm rẫy. Bà không biết L đã dùng làm phương tiện phạm tội vào ngày 04/12/2022. Bà đã nhận lại xe biển kiểm soát 82E1 – 250.77 và không yêu cầu gì khác.

-Lời nói sau cùng của bị cáo: Vì điều kiện khó khăn, bị cáo rủ T đi trộm cắp là sai, đây là lần đầu tiên phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm có cơ hội về lo cho con. Bị cáo xin hứa về sau không phạm tội nữa và sẽ là một công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được đánh giá là hợp pháp.

[2] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai trước phiên tòa của bị cáo phù hợp với các lời khai và tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện: Bị cáo và Thao T đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản. Vào Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 04/12/2022, khi phát hiện thấy xe mô tô 82E1-181.80 dựng trước cửa nhà, gần đường quốc lộ, xe lại cấm sẵn chìa khóa ở ổ khóa, không thấy người trông coi. Với sự giúp sức của T ở bên ngoài mua nước gần đó có gì dễ bề tẩu thoát và sau khi lấy được tài sản thì T sẽ giúp L đi xe mô tô của mẹ L về nhà cho L. L đã có hành vi tiếp cận xe và dắt ra đường, nổ máy đi về thị trấn P. Hành vi của L và T thể hiện sự lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản; giá trị tài sản chiếm đoạt là 25.500.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu lăm trăm nghìn đồng*). Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện lỗi cố ý thực hiện tội phạm, đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, có mức khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Chính vì vậy bị cáo bị viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vai trò thực hiện tội phạm của bị cáo và Thao T:

Trong vụ án này L là người rủ rê, lôi kéo T cùng tham gia thực hiện tội phạm. L là người dẫn dắt, điều khiển và là người thực hiện tội phạm nên L đóng vai trò chủ chốt. Đối với T là người giúp sức, khi L thực hiện tội phạm thì L sai T đi mua nước ở quán gần đó có gì dễ bề tẩu thoát và sau khi lấy được tài sản thì T sẽ giúp L đi xe mô tô của mẹ L về nhà cho L. Tại thời điểm thực hiện tội phạm T chưa đủ 16 tuổi, theo khoản 2 Điều 12 của Bộ luật hình sự quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì T chưa đủ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, cơ quan điều tra không khởi tố T mà ra quyết định xử phạt hành chính đối với T là có cơ sở. Xét hành vi của L và T thể hiện sự cố ý cùng thực hiện tội phạm nhưng ở mức giản đơn, nhất thời, không có sự câu kết chặt chẽ, không mang tính tổ chức; mặc dù T không bị truy tố nhưng L vẫn phải xác định là phạm tội có tính chất đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự, có như vậy mới đánh giá đúng tính chất của hành vi thực hiện tội phạm.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo rủ rê, lôi kéo T cùng tham gia thực hiện tội phạm, mặc dù T không bị truy tố là do chưa đủ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, đối với bị cáo vẫn phải chịu tình tiết “*xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi tội phạm bị phát hiện, A K đã giao nộp lại xe mô tô biển kiểm soát 82E1-181.80 cho cơ quan điều tra, để trả lại cho bị hại. L đã tác động gia đình trả lại số tiền 7.000.000 đồng đã bán xe cho A K, thể hiện “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*”; bị cáo “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; trong quá trình tham gia tố tụng từ điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Sau khi nhận đủ tiền, A K có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu này nếu là của bị hại. Vì A K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên yêu cầu của A K không được chấp nhận.

[5] Về hình phạt:

Tuy mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra ở mức ít nghiêm trọng, phạm tội lần đầu, bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng, được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ. Nhưng vì bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm, bị cáo đóng vai trò chính, là người cầm đầu trong vụ án. Nên cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nông, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với các hành vi có liên quan khác:

Đối với bà Đinh Thị K là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 82E1 – 250.77. Trước khi đi làm xa ở tỉnh Đ bà đã giao xe này cho L để sử dụng đi làm rẫy. Bà K không biết L đã dùng xe làm phương tiện phạm tội nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với Thao L và A K khi giao dịch mua xe mô tô biển kiểm soát 82E1-181.80 với L, hoàn toàn không biết xe do L phạm tội mà có. Sau khi biết bị hại là Xiêng L đăng tin bán xe trên mạng xã hội, thì Thao L đã nói cho A K biết và cả hai cùng chủ động đến cơ quan Điều tra để trình báo sự việc và giao nộp lại xe nên Thao L và A K không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đã được giải quyết và xử lý toàn bộ ở giai đoạn điều tra, bị hại đã nhận lại xe mô tô bị mất, bà Đinh Thị K đã nhận lại xe của bà mà L đã dùng làm phương tiện phạm tội. Bị cáo đã hoàn trả đủ tiền mua bán xe cho A K. Những người tham gia tố tụng không ai có yêu cầu gì, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, xử lý.

[8]Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật về nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm o khoản 1 Điều 52, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, 17, 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự về quyền kháng cáo;

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Dương L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt Dương L 11 (Mười một) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 08/12/2022).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về án phí:

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26-4-2023). Bị hại có quyền kháng cáo bản án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị K, Thao L, Thao K, Thao T và người đại diện là bà Y T có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ đối với Xiêng L; UBND xã Đ, X đối với Thao L; UBND xã P đối với A K,

Thao T và người đại diện là bà Y T; UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đối với bà Đinh Thị K.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan điều tra cấp huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo